

Thách thức an ninh năng lượng đối với công nghiệp hóa và phát triển bền vững ở Việt Nam

NGUYỄN TẤN PHÁT

Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa đang phải đối mặt với vấn đề an ninh năng lượng, biểu hiện là hiện tượng thiếu điện trên diện rộng ảnh hưởng đến tăng trưởng sản xuất và cuộc sống dân sinh. Thời gian qua, phát triển năng lượng chủ yếu dựa vào thủy điện, nhiệt điện mà ít chú trọng đến năng lượng sạch cũng như nhiều vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển bền vững. Do đó, ngành năng lượng phải cùng lúc giải quyết hai vấn đề (1) đáp ứng nhu cầu năng lượng để công nghiệp hóa và phát triển kinh tế - xã hội, (2) phát triển năng lượng bền vững, nhất là năng lượng tái sinh và an toàn.

1. Năng lượng, chính sách năng lượng và phát triển năng lượng

Năng lượng ngày càng trở nên quan trọng đối với các nền sản xuất công nghiệp và cuộc sống văn minh của con người trong thế giới hiện đại. Trong khi nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng lớn thì những nguồn tài nguyên thiên nhiên lại không phải vô tận, nhất là năng lượng than đá và dầu mỏ đang ngày càng cạn kiệt. Ngoài ra, năng lượng vừa là ngành quan trọng của nền kinh tế và cũng là một trong những ngành có tác động mạnh mẽ đến môi trường, gây ra nhiều chất thải do hoạt động khai thác và sử dụng các dạng năng lượng, đặc biệt là năng lượng hóa thạch. Vì thế, tìm kiếm những nguồn nhiên liệu dồi dào hơn, bền vững hơn là nhiệm vụ của loài người và cũng là cơ hội cho những ai nhanh chóng làm chủ được những nguồn năng lượng mới.

Do nhu cầu năng lượng ngày càng tăng và khan hiếm, nên các quốc gia phải có chính sách phát triển năng lượng phù hợp. Thuật ngữ năng lượng được mở rộng sang *chính sách năng lượng*.

Chính sách năng lượng là cách thức: cơ quan được trao quyền (thường là chính phủ) quyết định tập trung vào những vấn đề phát triển năng lượng bao gồm sản xuất phân phối và tiêu thụ năng lượng. Thuật

ngữ chính sách năng lượng có thể bao gồm pháp chế, những hiệp ước mang tính quốc tế và những khuyến khích đầu tư, hướng dẫn để bảo tồn năng lượng, hướng dẫn về hệ thống thuế và những biện pháp chính sách công khác¹.

Cũng có một cách giải thích khác, chính sách năng lượng là kế hoạch hành động để giải quyết những vấn đề liên quan đến cung cầu năng lượng, phát triển năng lượng liên quan đến công nghiệp và thương mại và những hệ quả của các hoạt động năng lượng².

Phát triển năng lượng là nỗ lực nhằm cung cấp những nguồn năng lượng cơ bản và những hình thức năng lượng thứ yếu cho nguồn dự trữ, hao tổn và những ảnh hưởng

Nguyễn Tấn Phát, TS., Trường đại học Kinh tế - luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

¹ Energy policy is the manner in which a given entity (often governmental) has decided to address issues of energy development including energy production, distribution and consumption. The attributes of energy policy may include legislation, international treaties, incentives to investment, guidelines for energy conservation, taxation and other public policy techniques. (http://en.wikipedia.org/wiki/Energy_policy. Ngày cập nhật: 19-5-2011).

² Energy policy is a plan of action for tackling issues related to energy supply, demand, development of energy related industry and trade and consequences of energy activities.

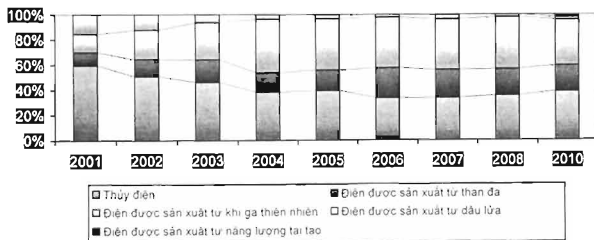
đến sự ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, làm giảm sự thay đổi khí hậu bằng các nguồn năng lượng mới³.

Phát triển năng lượng là lĩnh vực liên quan đến việc cung cấp năng lượng nhiều và có thể sử dụng được cho con người. Đó là sự phát triển không ngừng về kiến thức, kỹ năng và những cơ quan để đạt được dồi dào và phong phú hơn nữa những nguồn năng lượng cơ bản và để biến chúng thành những nguồn năng lượng thứ yếu tiện lợi hơn nữa, chẳng hạn như năng lượng điện và nguyên liệu sạch hơn. Tất cả các biện pháp, cả những biện pháp liên quan đến khía cạnh về lượng, tức là sản xuất được nhiều năng lượng hơn và khía cạnh về chất, tức là việc sử dụng hiệu quả hơn đều quan trọng⁴.

2. Tổng quan phát triển năng lượng Việt Nam

Thứ nhất, các loại năng lượng để sản xuất điện: Trong nhiều năm qua, hệ thống năng lượng để sản xuất điện ở Việt Nam khá phong phú, gồm nhiều chủng loại dựa trên lợi thế tự nhiên của mình, trong đó ba trụ cột chính là thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí. Năm 2010, thủy điện chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản xuất điện Việt Nam 38%, nhiệt điện than 20% và nhiệt điện khí gas thiên nhiên chiếm đến 36%. Năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió chiếm một tỷ trọng rất nhỏ khoảng 2%, điện được sản xuất từ dầu lửa khoảng 2% và phần thiếu hụt phải nhập khẩu từ Trung Quốc, Lào, Campuchia khoảng 4%.

HÌNH 1: Cơ cấu các loại năng lượng sản xuất điện tại Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010



Nguồn: (1) Số liệu giai đoạn 2001 – 2008 từ World Bank (2011), *Electricity power production*, [http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity production&language=EN](http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity+production&language=EN), truy cập 20-8-2011.

(2) Số liệu 2010 là tính toán của tác giả từ Bộ Tài Chính (2011), *Tình hình cung cấp điện và giá điện năm 2011*, http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177092&item_id=35996444&p_details=1 Và Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21-7-2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt qui hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030.

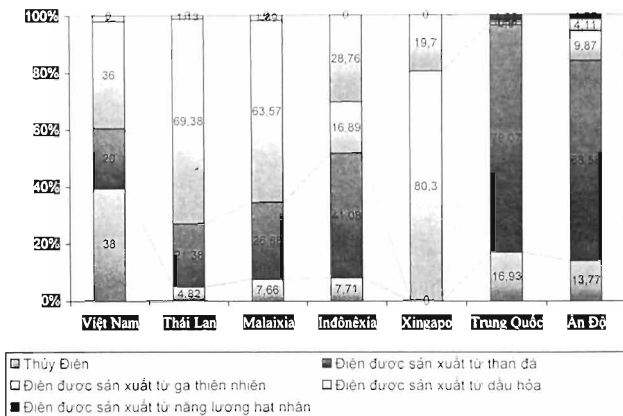
³ Energy development is the effort to provide sufficient primary energy sources and secondary energy forms for supply, cost, impact on air pollution and water pollution, mitigation of climate change with renewable energy. (http://en.wikipedia.org/wiki/Energy_development, Ngày cập nhật: 09/06/2011).

⁴ Energy development is the field concerned with providing abundant and accessible energy to all humans. It is the progressive development of knowledge, skills and institutions for capturing ever more copious and diverse primary energy sources and converting them to ever more convenient secondary energy forms, such as electrical energy and cleaner fuels. In all steps both *quantitative* aspects, harnessing more energy, and *qualitative* aspects, more efficient use, are important. (Wordiq, Ngày cập nhật: 23/06/2011)

Các nước trong khu vực Đông Nam Á. Trung Quốc và Ấn Độ khả năng sản xuất điện dựa vào thế mạnh nguồn nguyên liệu sản xuất năng lượng và khả năng công nghệ của mình. Chẳng hạn như Xingapo năng lượng sản xuất điện từ hai loại khí ca thiên nhiên 80.3% và

dầu lửa 19,7%. Trung Quốc mặc dù có nguồn cung sản xuất điện đa dạng như chủ yếu là than đá 79,07% và thủy điện 16,93%, điện hạt nhân 1,98%. Thái Lan, Malaixia và Indônêxia có nguồn cung năng lượng sản xuất điện cũng phong phú như Việt Nam.

HÌNH 2: Cơ cấu năng lượng sản xuất điện năm 2010 của Việt Nam và các nước năm 2008



Nguồn: (1) Số liệu các nước năm 2008 từ World Bank (2011), Electricity power production. <http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity+production&language=EN>. (2) Số liệu Việt Nam năm 2010 là tính toán của tác giả từ Bộ Tài chính (2011). Tình hình cung cấp điện và giá điện năm 2011. http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177092&item_id=35996444&p_details

Thứ hai, sản lượng điện sản xuất và sản lượng điện tiêu thụ: số liệu Bảng 1 cho thấy giai đoạn 2001 – 2010 sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ tăng hàng năm và có тенден đư điện sản xuất so với tiêu thụ, tỷ lệ thặng dư so với tiêu dùng năm giai đoạn 2001 - 2008 khoảng 12%/năm. Nhưng có vấn đề cần làm sáng tỏ đó là thiếu điện và nhập khẩu điện. Như vậy, có thể thấy lượng điện thất thoát là rất lớn, nếu thặng dư điện so với tiêu dùng là 12% cộng với nhập khẩu điện khoảng 4% và

tình trạng cúp điện thường xuyên do thiếu điện vào các mùa cao điểm, suy ra lượng điện thất thoát xấp xỉ trên dưới 20%. Mặt khác, xu hướng tốc độ tăng của sản lượng điện sản xuất của năm sau giảm so với năm trước. Năm 2002 tốc độ sản xuất điện tăng so với năm 2001 là 16,94%, sau đó liên tục giảm còn 9,26% năm 2008. Điều này cho thấy năng lực sản xuất điện ngày càng không phát triển theo yêu cầu công nghiệp hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

Thách thức an ninh năng lượng...

BẢNG 1: Sản lượng điện sản xuất và sản lượng điện tiêu thụ giai đoạn 2001 – 2010

Đơn vị tính: triệu kWh

TT	Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2010
1	Sản lượng điện sản xuất	30.608	35.796	40.925	46.029	53.462	60.493	66.857	73.049	96.000
2	Sản lượng điện tiêu thụ	26.365	30.784	35.653	41.200	47.593	54.596	61.970	68.907	85.590
3	Thặng dư sản xuất so với tiêu dùng (3 = 1-2)	4.243	5.012	5.272	4.829	5.869	5.897	4.887	4.142	10.410
4	Tỷ lệ thặng dư so với tiêu dùng (4 = 3/2)(%)	16,09	16,28	14,75	11,72	12,33	10,80	7,88	6,01	12,16
5	Tốc độ sản xuất điện năm sau so với năm trước (%)		16,94	14,32	16,14	13,15	10,52	9,26		
6	Tốc độ tiêu dùng điện năm sau so với năm trước (%)		16,76	15,81	15,55	15,51	14,71	13,50		

Nguồn: Số liệu 2001 – 2008 từ World Bank (2011), Electricity power production & Electricity power consumption, [http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity productin&language=EN](http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity+productin&language=EN), truy cập 20/8/2011. Số liệu năm 2010 là tính toán của tác giả từ Bộ Tài chính (2011), Tình hình cung cấp điện và giá điện năm 2011, http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177092&item_id=35996444&p_details=1.

Lượng điện sản xuất và tiêu dùng tại Việt Nam thấp hơn nhiều so với các nước Thái Lan, Malaixia, Indônêxia (xem bảng 2) điều này cảnh báo về khả năng sản

xuất năng lượng điện cho phát triển của nền kinh tế - xã hội, nhất là phát triển mạnh công nghiệp nặng cho những năm tới.

BẢNG 2: Sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ một số nước Đông Nam Á

Đơn vị tính: triệu KWh

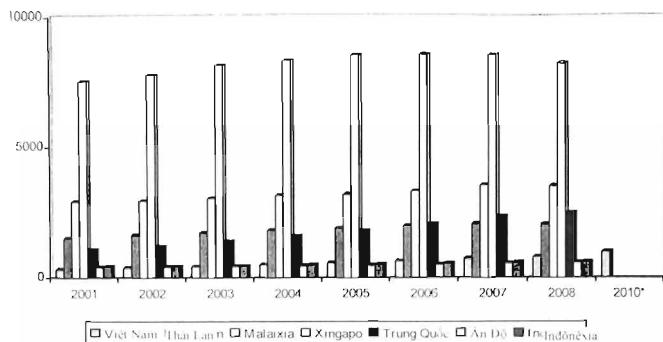
Năm	Thái Lan		Malaixia		Indônêxia		Xingapo	
	Sản xuất	Tiêu dùng	Sản xuất	Tiêu dùng	Sản xuất	Tiêu dùng	Sản xuất	Tiêu dùng
2001	102.420	95.611	71.419	69.198	101.647	88.230	33.089	31.102
2002	109.013	103.636	74.233	71.187	108.206	90.746	34.664	32.390
2003	116.983	110.614	78.465	74.827	112.944	94.481	35.331	33.386
2004	125.727	118.762	81.963	78.804	120.160	105.921	36.810	34.643
2005	132.197	125.259	84.826	81.460	127.369	11.234	38.213	36.290
2006	138.742	131.971	89.826	86.311	133.108	118.150	39.442	37.500
2007	143.378	137.675	97.514	93.552	142.236	127.168	41.134	39.066
2008	147.427	140.078	97.392	94.278	149.437	134.399	41.717	39.610

Nguồn: World Bank (2011), Electricity power production & Electricity power consumption, [http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity productin&language=EN](http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity+productin&language=EN), truy cập 20/8/2011

Lượng điện tiêu dùng của Việt Nam không phải tăng cao hàng năm và lượng điện tiêu dùng bình quân đầu người của Việt Nam là thấp nhất so với các nước Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Xingapo, Trung Quốc. Lượng điện tiêu dùng bình quân đầu người của Việt Nam năm 2008 là

799 KWh cao hơn Indônêxia 591 KWh và Ấn Độ 566 KWh, năm 2010 lượng điện tiêu dùng bình quân đầu người của Việt Nam 984 KWh vẫn thấp hơn nhiều so với Thái Lan 2027 KWh, Malaixia 3489 KWh, Xingapo 8184 KWh, Trung Quốc 2455 KWh thời điểm năm 2008.

HÌNH 3. Sản lượng tiêu thụ điện bình quân đầu người Việt Nam và các nước



Nguồn: Tính toán của tác giả (làm tròn số) từ Worldbank (2011). *Electric Power Consumption (KWh Per Capita)*, <http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity+per+capita&language=&format=>
* Năm 2010 là số liệu điện tiêu thụ bình quân đầu người của Việt Nam 984 kWh.

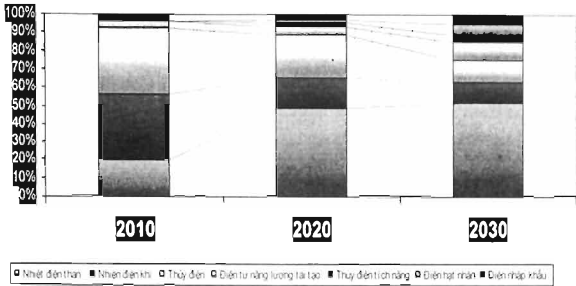
Thứ ba, các chiến lược chính sách phát triển năng lượng của Việt Nam: nhận thức về tầm quan trọng của năng lượng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở tầm chiến lược, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25-10-2007 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở của Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 27-12-2007 phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Với mục tiêu cụ thể: phấn đấu đảm bảo cung cấp đủ năng lượng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội: trong đó năng lượng sơ cấp năm 2010 khoảng 47,5 - 49,5 triệu TOE (tấn dầu quy đổi), đến năm 2020 đạt khoảng 100 - 110 triệu TOE, đến năm 2025 khoảng 110 - 120 triệu TOE và đến năm 2050 khoảng 310 - 320 triệu TOE⁵.

Ngày 21-7-2011, Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi

tắt là Quy hoạch điện VII). Theo quy hoạch mới, đến năm 2015 sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu/năm của Việt Nam phải đạt 194-210 tỉ KWh, cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước (khả năng hiện tại gần 100 tỉ KWh/năm). Năm 2020 phải đưa tổ máy điện hạt nhân đầu tiên vào vận hành. Chính phủ yêu cầu đến năm 2020, tổng công suất hệ thống phải đạt khoảng 75.000 MW (hiện tại trên 19.000 MW). Theo cơ cấu mới, sự phụ thuộc vào thủy điện sẽ phải giảm từ 35% hiện nay xuống 23,1% vào năm 2020. Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối...) từ khoảng 3,5% năm 2010 lên 4,5% năm 2020. Nhiệt điện than là chủ lực chiếm 46,8% sản lượng điện sản xuất, nhiệt điện khí ga thiên nhiên chiếm 20%.

⁵ Quyết định số: 1855/QĐ-TTg ngày 27-12-2007 phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

HÌNH 4: Chiến lược cơ cấu các nguồn năng lượng sản xuất điện trong Quy hoạch VII



Nguồn: Tính toán của tác giả từ các nguồn

(1) Số liệu năm 2010 tổng hợp từ http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177092&item_id=35996444&p_details=1, truy cập ngày 20/8/2011 và http://www.moit.gov.vn/web/guest/tintuc?p_p_id=cmsviewportlet_WAR_vsi_portlets_INSTANCE_XbBg&p_p_action=1&p_p_state=normal&p_p_col_id=column-2&p_p_col_pos=2&p_p_col_count=3&cmsviewportlet_WAR_vsi_portlets_INSTANCE_XbBg_catId=12&_cmsviewportlet_WAR_vsi_portlets_INSTANCE_XbBg_curPg=0&cmsviewportlet_WAR_vsi_portlets_INSTANCE_XbBg_arcId=6968, truy cập 13/8/2011. Với ước đoán (trong đó, điện được sản xuất từ các nguồn năng lượng nhỏ khác 2% tác giả đưa vào cột Thủy điện tích năng và nhiên điện khí 35% là ước đoán số gần đúng).

(2) Số liệu năm 2020 và 2030 từ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21-7-2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030.

3. Những thách thức đang đặt ra đối với phát triển năng lượng

Thứ nhất, khả năng sản xuất điện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tái cấu trúc kinh tế trong thời gian tới, nhất là phát triển công nghiệp nặng và công nghiệp hạ tầng dân sinh. So sánh năng lực sản xuất điện năm 2008 ở Việt Nam 73049 triệu KWh chỉ bằng 49,54% so với Thái Lan (147 427 triệu KWh), 75% so với Malaixia (97 392 triệu KWh) và 48,88% so với Ấn Độ (149 437 triệu KWh). Năm 2010 năng lực sản xuất điện cũng chỉ 96000 triệu KWh cũng chưa bằng Malaixia năm 2008, trong khi dân số chúng ta cao gần gấp 4 lần Malaixia. Trong khi chưa thể tăng nhanh được năng lực sản xuất và giảm thất thoát điện trong khâu truyền tải thì hiệu quả trong việc sử dụng điện tiêu dùng lại là phương án tối ưu

hạn 2, mục tiêu quốc gia đến năm 2015 tỷ lệ tiết kiệm điện tiêu dùng từ 5 – 8%, đây chỉ là một về trong giải pháp chứ chưa thay thế cho giải pháp tối ưu 1 là tăng năng lực sản xuất điện đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Thứ hai, thiếu nguồn vốn đáp ứng yêu cầu phát triển năng lượng và không có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân. Theo tính toán của Bộ Công thương trong Quy hoạch điện VII, tổng vốn đầu tư cho toàn ngành điện đến năm 2020 khoảng 929.700 tỷ đồng (khoảng 48,8 tỷ USD, mỗi năm cần khoảng 4,88 tỷ USD) phải đảm bảo nguồn tài chính lớn: 10 năm đầu mỗi năm cần 5 tỷ USD, 10 năm sau mỗi năm 7,5 tỷ USD. Để có số vốn này Bộ Công thương gợi ý sẽ thực hiện giá bán điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Hiện giá điện bình quân là 1.242 đồng/KWh, vẫn

thấp hơn so với giá để ngành điện có lãi⁶. Sự khẳng định của ngành điện cho rằng, có nhiều giải pháp huy động vốn vào điện, nhưng quan trọng là giá điện phải đủ bù đắp chi phí để các nhà đầu tư đầu tư vào điện. Chính sách giá bán điện sẽ điều chỉnh để đảm bảo chi phí sản xuất điện vào năm 2020 khoảng 8 – 9 cent/KWh.

Một thực tế trong nhiều năm qua và cả trong tương lai là các nhà đầu tư nước ngoài e ngại đầu tư vào lĩnh vực này, mặc dù họ rất quan tâm và đủ thực lực. Điều này liên quan đến cơ chế cạnh tranh ngành năng lượng và độc quyền của các tập đoàn năng lượng nhà nước. Ngành năng lượng nói chung và ngành điện nói riêng vốn bị chỉ trích độc quyền và hưởng nhiều đặc quyền đã cản trở phát triển lành mạnh ngành năng lượng. Điều này lý giải tại sao nhiều năm qua và tương lai không thu hút được đầu tư nước ngoài, vì cơ chế quản lý ngành năng lượng hiện nay đã giúp các tập đoàn năng lượng nhà nước sinh ra độc quyền tự nhiên. Trong 25 dự án quy hoạch điện VII đến năm 2020 thì EVN đang xây dựng 14 dự án, 11 dự án chuẩn bị đầu tư, trong đó có 4 dự án đang lựa chọn nhà thầu để khởi công năm 2011. Hầu hết các dự án đều do EVN còn lại là PVN, TKV, số ít các nhà đầu tư nước ngoài, vai trò quyết định vẫn thuộc về các tập đoàn lớn của Nhà nước.

Thứ ba, tìm phương án tối ưu trong việc lựa chọn các loại hình phát triển năng lượng để sản xuất điện. Trong đó, lựa chọn năng lượng tái sinh để phát triển bền vững và lựa chọn năng lượng giá rẻ phù hợp với khả năng của các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thực tế dễ nhận thấy với khả năng của các tập đoàn kinh tế nhà nước như EVN, PVN, TKV việc lựa chọn đầu tư vào các loại năng lượng có suất đầu tư và chi phí thấp cho mỗi KWh điện như thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí đã và sẽ tiếp tục trong tương lai. Trong khi đó năng lượng tái tạo và an toàn như điện gió, điện mặt trời lại còn rất xa vời, vì đây là lĩnh vực thuộc về các tập đoàn năng lượng nước ngoài với yêu cầu

công nghệ cao và suất đầu tư lớn. Trong Quy hoạch điện VII, đến năm 2020 chỉ có khoảng 4,5% là năng lượng tái tạo, trong khi Việt Nam có lợi thế tự nhiên để phát triển năng lượng gió và mặt trời. Điều này vừa là một nghịch lý vừa là một thực tế đáng suy nghĩ.

Ngoài ra, lựa chọn năng lượng hạt nhân để gia tăng nguồn cung điện hay sự an toàn là trên hết. Việt Nam đang rất quyết tâm theo đuổi năng lượng hạt nhân, cụ thể đã quy hoạch và đang triển khai dự án điện hạt nhân ở tỉnh Ninh Thuận, khởi công năm 2014 và vận hành năm 2020. Theo dự tính đến năm 2020 điện hạt nhân chiếm 1,3% tổng điện. Sau sự cố nhà máy điện hạt nhân Fukushima ở Nhật Bản tháng 3 - 2011, đến nay có nhiều ý kiến nên quyết tâm theo đuổi dự án này hay không, vì thực tế chỉ đáp ứng 1,3% tổng lượng điện nhưng nếu không may xảy ra sự cố thì hậu quả khủng khiếp khôn lường. Ngay cả Đức là nước sử dụng năng lượng hạt nhân chiếm 22,8% sản xuất điện năm 2009 và các nhà máy vận hành tốt cũng tuyên bố chấm dứt các nhà máy điện hạt nhân vào năm 2020. Nhật Bản 26,9% sản lượng điện năm 2009 cũng đã có động thái giảm dần đến hủy bỏ các nhà máy điện hạt nhân và tìm kiếm các nguồn năng lượng tái sinh an toàn hơn. "*Niềm tin của công chúng vào sự an toàn của hạt nhân đã lung lay tận gốc rễ*"⁷. Theo quan điểm của tác giả, Việt Nam nên dùng nguồn vốn thay vì phát triển điện hạt nhân chuyển sang phát triển năng lượng tái tạo, trong đó năng lượng gió và năng lượng mặt trời phù hợp với tiềm năng tự nhiên.

Thứ tư, nhập khẩu điện gây thiệt hại nhiều hơn lợi ích xét về dài hạn. Trong nền

⁶ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hiện đang rất khó khăn, năm 2010 đã lỗ 8.185 tỷ đồng, sáu tháng đầu năm 2011 lỗ gần 3.500 tỷ đồng. Hiện EVN đang nợ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam (TKV) gần 10.000 tỷ đồng.

⁷ đó là phát biểu của Yukiya Amano, Tổng giám đốc Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), phát biểu khai mạc Hội nghị bộ trưởng về an toàn hạt nhân tổ chức ở Vienna (Áo) ngày 20-6-2011.

kinh tế thị trường việc nhập khẩu hàng hóa để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng là bình thường, tuy nhiên, hàng hóa điện có yếu tố khác cần lưu ý đó là *an ninh* xét riêng ở khía cạnh kinh tế - môi trường. Các nước bán điện cho Việt Nam sẽ chọn phương án tối ưu nhất, có thể đó là xây dựng các nhà máy thủy điện ngay biên giới, ngay thượng nguồn của các dòng sông. Hậu quả cấp hai không lường trước chính là cạn kiệt nguồn nước khu vực hạ lưu sông Hồng, sông Cửu Long bởi các dự án thủy điện của Trung Quốc và Lào⁹, đến việc gây ra lũ lụt và ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến hàng triệu nông dân. Theo quan điểm của tác giả chỉ cần Việt Nam quản trị tốt khâu truyền tải điện để tránh thất thoát và tăng cường khả năng tiết kiệm điện sẽ không cần lượng điện nhập khẩu.

Vậy đâu là nguyên nhân của những thách thức về an ninh năng lượng?

Một là, cơ chế quản lý và điều tiết ngành năng lượng chưa hợp lý, đó là tình trạng độc quyền tự nhiên của các tập đoàn kinh tế nhà nước bao gồm cả EVN, PVN và TKV. Trong đó, EVN chi phối tất cả các khâu từ sản xuất điện, phát điện, truyền tải điện, phân phối, mua bán điện và gần như chủ động quyết định giá. Tuy không còn độc quyền ở khâu phát điện, song Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vẫn chiếm phần chi phối trong tổng công suất nguồn (khoảng 65%), đồng thời nắm giữ toàn bộ các khâu còn lại như truyền tải, phân phối điện⁹. Điều này không tạo ra môi trường minh bạch cho cạnh tranh, nên ngăn cản thu hút vốn và đầu tư của các tập đoàn năng lượng quốc tế, nhất là năng lượng tái tạo vốn là thế mạnh của họ. Đồng thời PVN, TKV và EVN mỗi tập đoàn nắm giữ một thế mạnh, trong khi sự hợp tác và tích hợp rời rạc chỉ vì lợi ích cục bộ chứ không vì đại cuộc. PVN nắm giữ ưu thế vì nhiệt điện khí vì họ nắm giữ quyền khai thác dầu khí, TKV nhiệt điện than vì nắm giữ nguồn than, EVN ưu thế về thủy điện. Khi bán điện cho người dân mỗi tập đoàn đều

phải có lợi nhuận giữ lại để phát triển, sự hạch toán kinh tế ở phương diện lợi ích tập đoàn sẽ đẩy giá bán điện cao hơn, mà lẽ ra nếu có sự tích hợp và điều phối tốt thì giá bán điện sẽ thấp hơn, hoặc không đến nỗi phải thua lỗ mà còn tích lũy vốn cho đầu tư dài hạn.

Hai là, tầm chiến lược hoạch định cho phát triển ngành năng lượng chỉ trong khuôn khổ tư duy của tập đoàn EVN, thiếu sự tham vấn các tổ chức năng lượng quốc tế, hoặc các chuyên gia kinh tế và quản trị độc lập. Khả năng kinh tế, kỹ thuật và nhân lực của EVN đến đâu thì hoạch định chiến lược đến đó. Điều này thể hiện rất rõ trong các Quy hoạch điện VI và VII. Lẽ ra phải có sự tách biệt về quản lý giữa Bộ Công thương và tập đoàn EVN. Dường như mọi chiến lược phát triển năng lượng của Bộ Công thương đều qua sự chấp bút hầu hết của EVN.

Tóm lại, bài toán nan giải cho việc giải quyết những thách thức phát triển ngành năng lượng Việt Nam trong ngắn hạn và dài hạn không phải là vấn đề giá bán điện là bao nhiêu cho có lãi hoặc huy động đủ vốn, mà chính là cơ chế quản lý ngành năng lượng sao cho có tính cạnh tranh cao, giảm thiểu thất thoát do truyền tải điện, tiết kiệm điện hiệu quả và tách biệt minh bạch giữa các chức năng quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh của Bộ Công thương với các tập đoàn EVN, PVN, TKV. Mặt khác, cần giải quyết bài toán tích hợp lợi ích một cách tối ưu của các nhóm lợi ích đang tồn tại ở ba tập đoàn năng lượng có ảnh hưởng lớn nhất đó là EVN, PVN và TKV sao cho lấy lợi ích chung làm nòng cốt. Ngoài ra rất cần có sự tham vấn của các tổ chức quốc tế và chuyên gia độc lập trong ngành năng lượng để có sự

⁹ Bên lề hội nghị cấp cao ASEAN lần 18, Thủ tướng Lào Thoongsing Thammavong thông báo tạm dừng dự án thủy điện Xayaburi, đây là quyết định do sức ép của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vùng hạ lưu sông Mekông.

⁹ <http://daukhii.vietnamnet.vn/vn/tin-moi/1428/hung-van-de-dat-ra-trong-tai-co-cau-nganh-dien.htm> Những vấn đề đặt ra trong tái cơ cấu ngành điện, truy cập 13-8-2011.

lựa chọn thông minh trong việc đánh đổi giữa yếu tố kinh tế và yếu tố an toàn, giữa yếu tố phát triển hiện tại và phát triển bền vững hướng về tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2011), *Tình hình cung cấp điện và giá điện năm 2011*, http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177092&item_id=35996444&p_details=1.
2. Nguyễn Như Ý (chủ biên), (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, tr. 1172, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Quyết định số: 1855/QĐ-TTg ngày ngày 27 - 12 - 2007 Phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.
4. Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21-7-2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.
5. Webster's New Word College Dictionary (1995), p. 449, Macmillan, USA.
6. <http://www.Britannica.com/Ebchecked/topic/187171/energy>. Ngày cập nhật: 22-06-2011

7. <http://www.Encyclopedia.com/topic/energy.aspx#3-1G2:3437701608-full>. Ngày cập nhật: 22-6-2011.
8. <http://en.wikipedia.org/wiki/Energy>. Ngày cập nhật: 20-06-2011.
9. http://en.wikipedia.org/wiki/Energy_development. Ngày cập nhật: 09-06-2011.
10. http://en.wikipedia.org/wiki/Energy_policy. Ngày cập nhật: 19-05-2011.
11. http://www.Wordiq.com/definition/energy_policy. Ngày cập nhật: 23/06/2011.
12. http://www.Wordiq.com/definition/energy_development. Ngày cập nhật: 23-06-2011.
13. <http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity+productin&language=EN>, truy cập 20/8/2011.
14. <http://search.worldbank.org/data?qterm=Electricity+per+capita&language=&format=>
15. http://www.moit.gov.vn/web/guest/tintuc?p_p_id=cmsviewportlet_WAR_vsi_portlets_INSTANCE_XbBgg&p_p_action=1&p_p_state=normal&p_p_col_id=column-2&p_p_col_pos=2&p_p_col_count=3&_msviewportlet_WAR_vsi_portlets_INSTANCE_XbBg_catlId=12&_cmsviewportlet_WAR_vsi_portlets_INSTANCE_XbBg_curPg=0&_cmsviewportlet_WAR_vsi_portlets_INSTANCE_XbBg_arcId=6968. Truy cập 13-8-2011.